

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số:/TTr-UBND ngày.....tháng..... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện 09 dự án, với tổng diện tích là 24,6323 ha, trong đó: rừng trồng phòng hộ 1,2391 ha, rừng trồng sản xuất 22,5387 ha, rừng trồng ngoài ba loại rừng (đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất) 0,8545 ha.

(Có danh mục các dự án kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban

Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khoá VIII, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày ... tháng năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND, Chính phủ;
- Bộ TNMT, Bộ NN&PTNT;
- TVTU, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, TN&MT, KH&ĐT;
- TT HĐND, UBND huyện Vĩnh Linh, Hải Lăng, Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hóa;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

Phụ lục

Danh mục các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2024
(Kèm theo Nghị Quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2024 của HĐND tỉnh

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích rừng trồng phân theo 3 loại rừng					Ghi chú
				Tổng diện tích	Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Ngoài QH 3 L. rừng (ha)	
1	Dự án Nhà máy tuyến rửa cát kỹ thuật	Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản Hưng Phát Quảng Trị	Tại tiểu khu 541, Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	0,3325			0,3325		
2	Công trình Di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông thôn Cù Bạc, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Ban QLDA, Phát triển quỹ đất và CCN, Du lịch biển huyện Vĩnh Linh.	Tại tiểu khu 583Ô, xã Vĩnh Ô; tiểu khu 584, xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	5,2739			5,2739		
3	Dự án Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị.	Tại các tiểu khu NTK92, xã Gio Châu; tiểu khu 609TH, xã Gio Mai; tiểu khu 609M, NTK95, xã Gio Mỹ; tiểu khu 610, xã Gio Quang; tiểu khu NTK 96, xã Phong Bình; tiểu khu NTK87, thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.	6,6210			6,5095	0,1115	Diện tích ngoài 3 loại rừng đã cấp GCNQSD đất là RSSX

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích rừng trồng phân theo 3 loại rừng					Ghi chú
				Tổng diện tích	Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Ngoài QH 3 L. rừng (ha)	
4	Dự án Tuyên đường kết nối từ công phụ Trung tâm Hành hương Đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang	Ban Quản lý dự án, Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Hải Lăng.	Tại tiểu khu NTK43, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.	0,1723			0,1723		
5	Dự án Trồng, sơ chế, chế biến được liệu gắn với quảng bá giới thiệu sản phẩm OCCOP	Công ty TNHH Được liệu hữu cơ An Xuân.	Tại tiểu khu NTK9, xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.	0,5000			0,5000		
6	Dự án Mở rộng nghĩa trang Nhân dân thành phố tại Phường 4 (giai đoạn 1)	Trung tâm Phát triển Cụm công nghiệp – Khuyến công và Dịch vụ công ích thành phố Đông Hà	Tại tiểu khu NTK110, Phường 4, thành phố Đông Hà	0,7430				0,7430	Đã cấp GCNQSD đất là RSX
7	Dự án Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 2) Khu KTOP Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị, hạng mục công trình giao thông Đường vào khu tái định cư Sê Pu xã Hướng Lập	Đoàn 337 - Quân khu 4.	Tại các tiểu khu 624, 626 xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	0,3238			0,3238		

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích rừng trồng phân theo 3 loại rừng					Ghi chú
				Tổng diện tích	Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Ngoài QH 3 L. rừng (ha)	
8	Dự án Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Dakrông	Ban quản lý dự án Dầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị	Tại tiểu khu 666, 669, xã Hường Hiệp, huyện Dakrông; TK 668, xã Hường Linh, huyện Hường Hóa, tỉnh Quảng Trị	1,2787		1,2391	0,0396		- Đối với diện tích 37,8978 ha rừng phòng hộ (gồm: 0,6733 ha rừng tự nhiên và 37,2245 ha rừng trồng) đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyên MDSDR tại văn bản số 211/TT-g-NN ngày 31/3/2024. - Đối với diện tích 9,3871 ha rừng trồng sản xuất: Thẩm quyền quyết định chủ trương chuyên MDSDR của HĐND tỉnh
9	Dự án đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1	Ban quản lý dự án Dầu tư xây dựng tỉnh	Tại các tiểu khu 540, 554, xã Vĩnh Thái; NTK76, NTK83, xã Kim Thạch; Tiểu khu 541, xã Vĩnh Tú; NTK79, NTK86, thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh; các tiểu khu 567G, 568G, xã Trung Giang; tiểu khu 568H, xã Gio Hải; tiểu khu 567M, 569, xã Gio Mỹ; NTK88, thị trấn Cửa Việt, huyện Gio Linh; NTK113, phường Đông Lễ; NTK114, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà; tiểu khu 790V, xã Triệu Vân; tiểu khu 791T, 792, xã Triệu Trạch; NTK60, xã Triệu Phước; NTK68, xã Triệu Đại; NTK61, xã Triệu Thuận; NTK66, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong.	9,3871			9,3871		

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Diện tích rừng trồng phân theo 3 loại rừng					Ghi chú
				Tổng diện tích	Rừng đặc dụng (ha)	Rừng phòng hộ (ha)	Rừng sản xuất (ha)	Ngoài QH 3 L. rừng (ha)	
Cộng				24,6323		1,2391	22,5387	0,8545	

Danh sách gồm 09 dự án./.